

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày : 28.6.2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Hà

2. Bà Lê Thị Sáu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Đỗ Thị N**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 17, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bà N có mặt, bà S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà N trình bày:

Bà N không có quan hệ họ hàng với bà S, có quen biết do ở cùng xóm nên bà N cho bà S vay hai khoản tiền cùng ngày 27/7/2018, cụ thể như sau: Khoản vay 82.000.000 đồng, bà S trực tiếp vay và viết giấy vay tiền, ký, ghi họ tên “Nguyễn Thị S”, khi vay bà S có nói để mua vườn, có hỏi bà N vay 100 triệu đồng nhưng bà N chỉ có 82 triệu đồng nên cho vay số tiền này. Bà S hẹn đến tháng 12/2019 âm lịch sẽ trả, không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng 2%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi. Khoản vay 39.000.000 đồng bà S vay tiếp của bà N, bà S trực tiếp nhận tiền vay, viết

giấy vay, ký, ghi họ tên “Nguyễn Thị S”, không ghi cụ thể lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng 2%/tháng, hẹn đến tháng 12/2019 âm lịch trả, trả gốc thì trả lãi, vay để mua vườn.

Sau đó bà S không trả nợ cho bà N mặc dù đã đòi nhiều lần. Bà N yêu cầu bà S trả tiền gốc là 121.000.000 đồng, lãi phát sinh tính từ ngày 27/7/2018 đến 27/12/2021 (làm tròn): $41 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 121.000.000 \text{ đồng} = 41.176.300 \text{ đồng}$. Cộng cả gốc và lãi bà N yêu cầu bà S trả là 162.176.300 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/5/2022 nhưng không được vì nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về yêu cầu trả nợ gốc, lãi phát sinh yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ thời điểm vi phạm hợp đồng vay là 30/12/2019 âm lịch (24/01/2020) đến ngày xét xử, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 121.000.000 đồng, lãi phát sinh từ 24/01/2020 đến 24/6/2022 là $29 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 121.000.000 \text{ đồng} = 29.124.700 \text{ đồng}$, cộng cả gốc và lãi là 150.124.700 đồng. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Bà N không có quan hệ họ hàng gì với bà S, hai bên có quen biết nhau, có phát sinh quan hệ vay tài sản, cụ thể như sau:

Tại “giấy mượn tiền” viết tay ngày 27/7/2018 thể hiện: Bà Nguyễn Thị S có vay của bà Đỗ Thị N số tiền 82.000.000 đồng. Bà S trực tiếp vay, viết giấy vay, ký, ghi họ tên người vay “Nguyễn Thị S”. Trong giấy vay có ghi hạn trả nợ đến tháng 12/2019 âm lịch sẽ trả, không ghi lãi suất cho vay. Tại “giấy mượn tiền” viết tay không ghi ngày tháng năm thể hiện bà Đỗ Thị N cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền 39.000.000 đồng, bà S vay tiền, tự viết giấy vay, ký, ghi họ tên “Nguyễn Thị S”. Trong giấy vay không thể hiện lãi suất cho vay, có ghi ngày trả nợ là 30/12/2019 âm lịch. Như vậy việc bà N cho bà S vay hai khoản tiền là có thật, tổng cộng số tiền gốc cho vay là 121.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay bà S chưa trả số tiền trên cho bà N. Vì vậy việc bà N khởi kiện để yêu cầu bà S trả số tiền 121.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi phát sinh trên nợ gốc của bà N thấy rằng: Trong giấy vay nợ không ghi lãi suất bao nhiêu, bà N cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng 2%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi, còn bà S không đến làm việc. Xét hai khoản vay đều có thời hạn trả là 30/12/2019 âm lịch (24/01/2020), nhưng đến hạn bà S không trả nợ. Bà N đồng ý tính lãi vay theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 30/12/2019 âm lịch (ngày 24/01/2020 dương lịch) đến thời điểm xét xử làm tròn tháng (24/6/2022) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên cần xem xét chấp nhận. Buộc bà S phải chịu số tiền lãi phát sinh: $121.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 29 \text{ tháng} = 29.124.700 \text{ đồng}$. Cộng cả gốc và lãi buộc bà S phải trả cho bà N là 150.124.700 đồng.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà N được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.506.235 đồng (150.124.700 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N đối với bà Nguyễn Thị S về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 150.124.700 đồng (gồm tiền gốc 121.000.000 đồng, lãi phát sinh là 29.124.700 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị S phải nộp 7.506.235 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 4.054.500 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004256 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy**